

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý dự án sản xuất thử nghiệm
cấp Đại học Quốc gia Hà Nội**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 do liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 do liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 do liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Khoa học-Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN, T20.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bảo Sơn

QUY ĐỊNH

Quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc quản lý dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án) cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) bao gồm các nội dung: Tuyển chọn, phê duyệt, tổ chức thực hiện, đánh giá nghiệm thu và quản lý sản phẩm của dự án, khen thưởng, xử lý vi phạm và các nội dung khác có liên quan.

2. Văn bản này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN) cấp ĐHQGHN và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dự án SXTN là nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

2. Đơn vị chủ trì là các đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQGHN được ĐHQGHN giao quản lý, tổ chức triển khai dự án.

3. Chủ nhiệm dự án là cá nhân được ĐHQGHN giao triển khai dự án, được cấp kinh phí thực hiện và các điều kiện khác theo quy định hiện hành.

4. Đơn vị phối hợp thực hiện dự án là tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh xác nhận tham gia triển khai dự án với đơn vị chủ trì.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý dự án

1. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị và kinh phí) nhằm hướng tới tạo sản phẩm KH&CN hoàn chỉnh có chất lượng cao, có khả năng chuyển giao, ứng dụng thực tiễn trong kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh hoặc có khả năng thương mại hóa.

2. Ưu tiên đầu tư cho các dự án hướng tới sản phẩm chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế và đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của xã hội.

3. Ưu tiên triển khai các dự án khai thác được nguồn lực xã hội hóa, ngoài ngân sách nhà nước.

4. Kết hợp triển khai dự án với bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành.

5. Kết hợp chặt chẽ dự án SXTN với hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học, viện nghiên cứu; khuyến khích người học tham gia triển khai dự án.

6. Kết hợp chặt chẽ với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; tăng cường gắn kết giữa đơn vị nghiên cứu và đơn vị ứng dụng, giữa cơ sở giáo dục đại học/viện nghiên cứu với tổ chức, cá nhân trong thị trường lao động.

Điều 4. Phương thức triển khai dự án

1. Dự án SXTN cấp ĐHQGHN được giao triển khai theo hình thức đặt hàng hoặc giao trực tiếp.

2. Dự án SXTN cấp ĐHQGHN áp dụng phương thức khoán chi từng phần hoặc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện tùy thuộc vào tính chất và quy mô của dự án nhưng không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

Điều 5. Tài chính của dự án

1. Nguồn kinh phí để thực hiện dự án

a) Kinh phí do ĐHQGHN cấp.

b) Kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị chủ trì dự án.

c) Kinh phí huy động của các quỹ đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phối hợp triển khai dự án và của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng kết quả của dự án.

d) Kinh phí hỗ trợ từ các chương trình hợp tác song phương, đa phương và từ các quỹ đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế.

e) Các nguồn kinh phí được huy động hợp pháp khác.

2. ĐHQGHN thống nhất quản lý và điều phối việc sử dụng các nguồn kinh phí từ ngân sách theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN. Mức kinh phí do ĐHQGHN hỗ trợ dự án từ ngân sách nhà nước do Giám đốc ĐHQGHN quyết định phù hợp với Khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

Việc quản lý và điều phối kinh phí huy động từ tổ chức, cá nhân phối hợp triển khai dự án thực hiện theo thỏa thuận ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Chương II

TUYỂN CHỌN, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Điều 6. Yêu cầu đối với dự án

1. Yêu cầu chung

a) Phù hợp với định hướng phát triển KH&CN được Nhà nước ưu tiên đầu tư, khuyến khích phát triển và với Chiến lược phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo của ĐHQGHN.

b) Sản phẩm có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội cao; giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh cấp thiết.

c) Đóng góp tích cực cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở ĐHQGHN.

d) Sản phẩm có khả năng kêu gọi hợp tác hoặc huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

2. Xuất xứ của công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN triển khai dự án

a) Sản phẩm KH&CN được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp,...).

b) Sản phẩm KH&CN được tặng giải thưởng KH&CN, giải thưởng tại hội thi sáng tạo, hội chợ công nghệ quốc gia.

c) Kết quả đề tài, dự án nghiên cứu có tiềm năng phát triển và ứng dụng thực tiễn, được hội đồng nghiệm thu có kiến nghị bằng văn bản chỉ rõ sản phẩm đầu ra.

d) Kết quả KH&CN ở nước ngoài đã được tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận đủ điều kiện triển khai sản xuất thử, đồng thời được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền khai thác và sử dụng.

3. Sản phẩm đầu ra dự án phải đảm bảo các yêu cầu sau

a) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN đảm bảo tính ổn định cấp quy mô SXTN và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc triển khai cấp quy mô sản xuất công nghiệp; có đánh giá hiệu quả tiềm năng về kinh tế - xã hội.

b) Có địa chỉ ứng dụng và thị trường tiêu thụ.

c) Có kế hoạch, phương án tiêu thụ sản phẩm.

Điều 7. Yêu cầu đối với đơn vị chủ trì, chủ nhiệm dự án và đối tác triển khai dự án

1. Đối với đơn vị chủ trì

a) Là đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQGHN.

b) Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả của dự án vào sản xuất.

2. Đối với chủ nhiệm dự án

a) Là cán bộ đang công tác tại ĐHQGHN. Cá nhân ngoài ĐHQGHN có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp và mong muốn tham gia triển khai dự án có thể làm đồng chủ nhiệm dự án.

b) Là chủ nhiệm hoặc thành viên tham gia dự án KH&CN tạo sản phẩm làm căn cứ triển khai dự án; hoặc là tác giả trong văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đưa vào dự án; đối với trường hợp đồng tác giả phải có được sự đồng ý bằng văn bản của các đồng tác giả khác.

c) Có đủ kinh nghiệm, năng lực triển khai dự án.

d) Tại thời điểm xét duyệt dự án, không là chủ nhiệm dự án KH&CN khác của ĐHQGHN hoặc các dự án SXTN cấp Tỉnh, Bộ trở lên.

đ) Bị hạn chế đăng ký chủ nhiệm dự án SXTN cấp ĐHQGHN theo quy định tại Điều 27 Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với đơn vị phối hợp triển khai dự án

a) Là tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có lĩnh vực đăng ký hoạt động KH&CN (đối với tổ chức KH&CN) hoặc năng lực triển

khai thể hiện qua hồ sơ năng lực (đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh) phù hợp với lĩnh vực KH&CN của dự án.

b) Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực và kinh nghiệm triển khai dự án.

Điều 8. Quy trình xác định dự án

1. Căn cứ xác định dự án

a) Theo kế hoạch nhiệm vụ ĐHQGHN giao triển khai: Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ hàng năm, ĐHQGHN có thông báo bằng văn bản gửi đến các đơn vị xây dựng thuyết minh dự án SXTN.

b) Do đơn vị, nhà khoa học đề xuất: Đơn vị, nhà khoa học có sản phẩm KH&CN tiềm năng có thể đề xuất trực tiếp với Ban Giám đốc ĐHQGHN cho triển khai dự án SXTN. Ban Khoa học - Công nghệ (Ban KH&CN) làm đầu mối hướng dẫn đơn vị, nhà khoa học xây dựng hồ sơ, tổng hợp và báo cáo Ban Giám đốc.

2. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc ĐHQGHN chỉ định đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án xây dựng hồ sơ thuyết minh trình ĐHQGHN thẩm định theo quy định.

3. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày thông báo, đơn vị chủ trì nộp hồ sơ thuyết minh đăng ký thực hiện dự án về ĐHQGHN (qua Ban KH&CN).

Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì dự án (Mẫu 01/SXTN).

b) Thuyết minh dự án (Mẫu 02/SXTN).

c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm và các cá nhân tham gia dự án (Mẫu 03/SXTN).

d) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị đăng ký chủ trì (Mẫu 04/SXTN).

2. Đơn vị phối hợp triển khai dự án chuẩn bị hồ sơ và đưa lên hệ thống phần mềm, bao gồm:

a) Văn bản xác nhận đồng ý tham gia triển khai dự án (Mẫu 05/SXTN).

b) Văn bản pháp lý cam kết phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, tổ chức KH&CN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BK&CN ngày 21/02/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ (dành cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh).

c) Giấy phép kinh doanh, báo cáo tài chính 03 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ, cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng (dành cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh).

d) Văn bản chứng minh năng lực KH&CN, kinh nghiệm triển khai SXTN, trang thiết bị của đơn vị để triển khai dự án.

3. Hồ sơ của đơn vị phối hợp triển khai do đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm tổng hợp và báo cáo ĐHQGHN.

4. ĐHQGHN có thể yêu cầu đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp cung cấp thêm các tài liệu để đảm bảo tính khả thi của dự án nếu thấy cần thiết.

Điều 10. Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (gọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập. Cơ cấu Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng;
- Phó Chủ tịch Hội đồng;
- 02 ủy viên phản biện;
- Các ủy viên (gồm 3-5 người).

Thành viên Hội đồng là các chuyên gia KH&CN; cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan; chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, SXTN; đại diện tổ chức, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu của dự án (nếu có).

2. Cá nhân đăng ký tham gia dự án; người thân của cá nhân đăng ký chủ trì dự án (cha, mẹ, vợ, chồng, anh chị em, con); cấp dưới trực tiếp của cá nhân đăng ký chủ trì dự án; cá nhân có quyền, lợi ích trực tiếp liên quan đến dự án (thành viên nhóm nghiên cứu phát triển sản phẩm làm căn cứ xây dựng dự án; chủ sở hữu, tác giả tài sản trí tuệ làm căn cứ xây dựng dự án,...) không được làm thành viên Hội đồng.

3. Mỗi Hội đồng thẩm định chỉ đánh giá một hồ sơ thuyết minh dự án.

Điều 11. Hợp Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Ban KH&CN làm đầu mối rà soát hồ sơ, đề xuất thành phần Hội đồng, soạn thảo các Quyết định thành lập Hội đồng trình Giám đốc ĐHQGHN ký ban hành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Ban KH&CN làm đầu mối tổ chức họp Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

2. Hồ sơ sau khi được nộp hoàn chỉnh theo quy định tại Điều 9, Ban KHCN lấy ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng thông qua hệ thống phần mềm (Mẫu 06/SXTN). Các thành viên Hội đồng cho ý kiến và tài phiếu đánh giá lên hệ thống trong vòng 15 ngày.

3. Hội đồng phải được tổ chức họp trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng. Hội đồng họp khi có mặt tối thiểu 2/3 số thành viên, trong đó bao gồm Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt và phải có văn bản ủy quyền) và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Trong trường hợp có ủy viên phản biện không đồng ý thông qua thuyết minh dự án thì phải có mặt trong phiên họp.

4. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng các nội dung của Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án; tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

b) Đánh giá đầy đủ, chính xác các nội dung được yêu cầu đánh giá, thể hiện bằng phiếu đánh giá.

Điều 12. Trình tự phiên họp Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Ban KHCN nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về thẩm định, phê duyệt dự án SXTN cấp ĐHQGHN.

3. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký khoa học của Hội đồng trong số các thành viên Hội đồng.

4. Chủ nhiệm dự án trình bày trước Hội đồng nội dung và phương án triển khai dự án.

5. Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ

a) Ủy viên phản biện đọc ý kiến nhận xét.

b) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có).

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá hồ sơ; tập trung đánh giá tính khả thi và khả năng ứng dụng, chuyển giao của sản phẩm đầu ra của dự án. Chủ nhiệm dự án trao đổi, trả lời các ý kiến của Hội đồng.

d) Các thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký (Mẫu 07/SXTN).

6. Các thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Hồ sơ được đánh giá có điểm trung bình từ 75/100 điểm trở lên, trong đó không có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho dưới 65 điểm sẽ được đề nghị Giám đốc ĐHQGHN xem xét phê duyệt.

7. Hội đồng tổng hợp kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng, kết luận chung và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng (Mẫu 08/SXTN) và thông qua Biên bản họp Hội đồng.

8. Ban KHCN tổng hợp kết quả họp Hội đồng thẩm định, cập nhật trên hệ thống phần mềm và báo cáo Ban Giám đốc.

Điều 13. Tổ thẩm định tài chính dự án

1. Sau khi Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đã họp và thống nhất đề nghị phê duyệt dự án, Ban KHCN tổ chức họp Tổ thẩm định tài chính dự án. Tổ thẩm định tài chính do Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập, gồm tổ trưởng là lãnh đạo Ban KHCN, tổ phó là lãnh đạo Ban Kế hoạch - Tài chính, 01 thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện Hội đồng thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, và một số thành viên khác nếu cần thiết. Thư ký Tổ thẩm định là chuyên viên Ban KHCN có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu họp và ghi biên bản cuộc họp.

2. Tổ thẩm định thảo luận, thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng thẩm định, dự toán kinh phí của dự án với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tổng kinh phí thực hiện dự án sau khi thẩm định tài chính không vượt quá kinh phí dự kiến, trường hợp kinh phí tăng vượt dự kiến, Tổ thẩm định báo cáo Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

Điều 14. Phê duyệt kết quả thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển

1. Ban KHCN tổng hợp kết quả thẩm định hồ sơ, trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt và thông báo tới các đơn vị, nhà khoa học.

2. Chủ nhiệm dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ theo đúng công văn thông báo, gửi ĐHQGHN trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Hồ sơ phê duyệt dự án bao gồm:

a) Báo cáo giải trình chỉnh sửa theo Mẫu 09/SXTN;

b) 05 bộ hồ sơ theo Mẫu 10/SXTN;

c) 06 bản Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo Mẫu 11a/SXTN (nếu đơn vị chủ trì đồng thời quản lý kinh phí) hoặc Mẫu 11b/SXTN (nếu đơn vị chủ trì không đồng thời quản lý kinh phí).

3. Ban KHCN rà soát, tổng hợp các hồ sơ được hoàn thiện trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc ĐHQGHN có thể kiểm tra hoặc yêu cầu Ban KHCN kiểm tra thực tế năng lực của đơn vị, cá nhân trúng tuyển trước khi phê duyệt.

4. Giám đốc ĐHQGHN ủy quyền cho Trưởng Ban KHCN ký phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng thực hiện dự án SXTN cấp ĐHQGHN.

Điều 15. Hủy quyết định phê duyệt dự án

1. Trong thời gian kể từ ngày phê duyệt kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Giám đốc ĐHQGHN có thể hủy bỏ quyết định phê duyệt dự án khi phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm dự án có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án SXTN cấp ĐHQGHN;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện dự án từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

b) Vi phạm các yêu cầu, điều kiện nêu tại Điều 6, Điều 7 Quy định này.

2. Đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm dự án có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Điều 16. Triển khai thực hiện dự án

1. Cấp kinh phí thực hiện dự án

a) ĐHQGHN giao kinh phí thực hiện dự án cho đơn vị chủ trì đầy đủ và đúng tiến độ đã được phê duyệt.

b) Đơn vị chủ trì có trách nhiệm bố trí đủ nguồn kinh phí đối ứng từ đơn vị (nếu có) và kinh phí cam kết huy động từ đơn vị phối hợp triển khai, thụ hưởng dự án.

2. Triển khai thực hiện dự án

Đơn vị chủ trì giám sát và tạo điều kiện để chủ nhiệm triển khai dự án đúng tiến độ phê duyệt.

Chủ nhiệm dự án tổ chức thực hiện và hoàn thành các nội dung, sản phẩm theo đúng tiến độ và nội dung đã phê duyệt trong thuyết minh dự án và trong hợp đồng triển khai; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, các quy định hiện hành về sử dụng kinh phí và chế độ báo cáo tiến độ theo quy định.

Khi cần điều chỉnh dự án, chủ nhiệm dự án và đơn vị chủ trì báo cáo ĐHQGHN bằng văn bản và thực hiện theo Điều 18 của quy định này.

Điều 17. Kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện

1. Định kỳ 12 tháng một lần tính từ thời điểm ký hợp đồng triển khai dự án, ĐHQGHN tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của đơn vị chủ trì, tình hình sử dụng kinh phí đối ứng của đơn vị phối hợp (nếu có). Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án hoàn thiện và nộp hồ sơ kiểm tra tiến độ dự án trên hệ thống phần mềm và hồ sơ in trên giấy bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ thực hiện dự án SXTN (Mẫu 12/SXTN).

b) Minh chứng các sản phẩm.

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ, Ban KHCN làm đầu mối tổ chức họp kiểm tra tiến độ. Thành phần tham gia bao gồm:

- 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên Ban KHCN.

- Đại diện cơ quan quản lý tài chính dự án.

- 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên đại diện đơn vị chủ trì.

- Đại diện bộ phận tài chính đơn vị.

- Đại diện các đơn vị phối hợp (nếu có).

- Chủ nhiệm dự án.

Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án và trao đổi, thảo luận với đoàn kiểm tra về các nội dung liên quan.

3. Biên bản kiểm tra tiến độ thực hiện dự án theo Mẫu 13/SXTN và cập nhật trên hệ thống phần mềm.

a) Trong trường hợp dự án không thực hiện đúng kế hoạch, sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ, Ban KHCN kiến nghị Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định dừng thực hiện và thu hồi kinh phí của dự án đã sử dụng sai mục đích.

b) Trong trường hợp kinh phí đối ứng từ đơn vị phối hợp, tổ chức, doanh nghiệp không đảm bảo đúng tiến độ, không đúng cam kết trong thuyết minh dự

án, Ban KHCN kiến nghị Giám đốc ĐHQGHN dừng cấp kinh phí năm tiếp theo để tìm phương án giải quyết.

4. Trường hợp đột xuất, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của ĐHQGHN.

Điều 18. Điều chỉnh trong quá trình triển khai dự án

1. Đơn vị chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án

Trong quá trình triển khai, nếu cần điều chỉnh thời gian, nội dung chuyên môn, sản phẩm, thành viên tham gia và dự toán kinh phí dự án, đơn vị chủ trì gửi hồ sơ đề nghị thay đổi trên hệ thống phần mềm và hồ sơ bản giấy (Mẫu 14/SXTN, Mẫu 15/SXTN).

Mỗi dự án được phép gia hạn một lần với thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với dự án có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với dự án có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Đề nghị gia hạn cần thực hiện trước thời gian kết thúc ít nhất 01 tháng. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

Giám đốc ĐHQGHN ủy quyền cho Trưởng Ban KHCN xem xét phê duyệt đề nghị xin gia hạn thời gian triển khai của đơn vị.

3. Thay đổi chủ nhiệm dự án

a) Thay đổi chủ nhiệm dự án được thực hiện trong các trường hợp sau: Đi học tập hoặc công tác dài hạn trên 06 tháng; bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu; chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong, mất tích trên 06 tháng; chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; vi phạm trong hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính phải kỷ luật; vi phạm pháp luật phải đình chỉ công tác.

b) Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án làm hồ sơ đề xuất thay đổi chủ nhiệm dự án bao gồm:

- Đơn đề nghị của chủ nhiệm dự án;
- Lý lịch khoa học của cá nhân đề xuất làm chủ nhiệm dự án;
- Xác nhận tham gia làm chủ nhiệm dự án của cá nhân đề xuất làm chủ nhiệm dự án.

Giám đốc ĐHQGHN ủy quyền cho Trưởng Ban KHCN xem xét phê duyệt đề nghị xin thay đổi chủ nhiệm dự án của đơn vị.

4. Dừng thực hiện dự án

Dự án phải dừng thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Dự án không thể tiếp tục triển khai do năng lực của chủ nhiệm đề tài, đơn vị chủ trì hoặc đơn vị phối hợp không đảm bảo.

b) Lý do bất khả kháng do tác động của thị trường, thay đổi chính sách pháp luật và nguyên nhân khách quan khác.

Trong các trường hợp này, đơn vị chủ trì phải có văn bản báo cáo ĐHQGHN để xem xét quyết định và thu hồi kinh phí. Ban KHCN rà soát hồ sơ và tham mưu cho Giám đốc ĐHQGHN phương án xử lý.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ QUẢN LÝ SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Điều 19. Yêu cầu đối với sản phẩm của dự án

1. Sản phẩm KH&CN của dự án

a) Sản phẩm KH&CN có thể đo kiểm được cần được kiểm định, đánh giá tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp (phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm đo lường,...) độc lập với đơn vị chủ trì, có ý kiến thẩm định bằng văn bản.

b) Sản phẩm là nguyên lý ứng dụng, phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; luận chứng kinh tế - kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác cần được thẩm định bằng hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do đơn vị chủ trì thành lập.

2. Công bố khoa học: Ấn phẩm được xuất bản chính thức. Nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu của dự án, được đăng ký trong thuyết minh dự án.

3. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp: Tại thời điểm nghiệm thu dự án, ĐHQGHN chấp nhận sản phẩm đăng ký được chấp nhận đơn hợp lệ. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm hoàn thiện và báo cáo ĐHQGHN khi sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ chính thức trong thời hạn 24 tháng từ ngày ký quyết định nghiệm thu nhiệm vụ.

4. Sản phẩm đào tạo

a) Đào tạo Thạc sỹ: Đề tài luận văn của học viên phù hợp với hướng nghiên cứu của dự án, được chủ nhiệm hoặc thành viên chính của dự án hướng dẫn, có tham gia triển khai nội dung cụ thể của dự án. Thời gian triển khai luận văn (từ khi có Quyết định công nhận đề tài và người hướng dẫn đến khi bảo vệ) trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

b) Hỗ trợ đào tạo Nghiên cứu sinh (NCS): NCS là thành viên tham gia thực hiện dự án, hoặc có đề tài luận án phù hợp với hướng nghiên cứu của dự án, được chủ nhiệm hoặc thành viên chính của dự án hướng dẫn, có tham gia triển khai nội dung cụ thể của dự án.

5. Yêu cầu về ghi nhận thương hiệu và sự tài trợ của ĐHQGHN

a) Sản phẩm là các ấn phẩm khoa học phải ghi nhận sự tài trợ của ĐHQGHN:

- Tiếng Việt: Nghiên cứu này được tiến hành trong khuôn khổ dự án sản xuất thử nghiệm (Mã số) “Tên nhiệm vụ” của ĐHQGHN;

- Tiếng Anh: This research has been done under the pilot project (Number) “Name of project” of Vietnam National University, Hanoi.

Tác giả ghi địa chỉ đơn vị công tác là ĐHQGHN hoặc đơn vị thuộc ĐHQGHN. Nếu ghi thêm địa chỉ đơn vị ngoài ĐHQGHN thì sản phẩm được tính bằng tỉ lệ dựa trên số lượng địa chỉ đơn vị công tác.

b) Đăng ký sở hữu trí tuệ của nhiệm vụ phải ghi rõ chủ đơn là “Đại học Quốc gia Hà Nội” hoặc đơn vị chủ trì nhiệm vụ.

c) Sản phẩm KH&CN hoàn chỉnh được chuyển giao, thương mại hóa ghi nhận thương hiệu của ĐHQGHN theo hướng dẫn tại các văn bản liên quan.

Sản phẩm không ghi đầy đủ địa chỉ và sự tài trợ của ĐHQGHN sẽ không được tính là sản phẩm của dự án khi nghiệm thu. Nếu sản phẩm có ghi nhận tài trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước khác ngoài ĐHQGHN thì chỉ được tính bằng tỉ lệ dựa trên số lượng nguồn tài trợ. Nếu sản phẩm ghi nhận tài trợ kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách (xã hội hóa, tài trợ của tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế,...) thì không phải chia tỉ lệ.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu dự án cấp ĐHQGHN

1. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện dự án, đơn vị chủ trì tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện dự án (Mẫu 18/SXTN). Việc thẩm định, đánh giá đảm bảo các yêu cầu:

a) Đánh giá được mức độ hoàn thành các sản phẩm (số lượng, chất lượng) như đăng ký trong thuyết minh dự án.

- b) Có báo cáo về tình hình sử dụng kinh phí.
- c) Không vi phạm các quy định và nguyên tắc quản lý.

2. Căn cứ kết quả tự đánh giá, đơn vị chủ trì gửi hồ sơ đề nghị ĐHQGHN ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Công văn đề nghị nghiệm thu dự án của đơn vị chủ trì.
- b) Báo cáo tổng kết dự án (Mẫu 16/SXTN).
- c) Báo cáo quyết toán kinh phí dự án (Mẫu 17/SXTN).

d) Báo cáo về sản phẩm KH&CN của dự án: Các tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, thử nghiệm sản phẩm của dự án được cơ quan chuyên môn xác nhận; biên bản thẩm định của hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia đối với các dạng sản phẩm khác.

- đ) Báo cáo kết quả tự đánh giá dự án SXTN (Mẫu 18/SXTN).

3. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm chuẩn bị và xác nhận đầy đủ các điều kiện chuyên môn và tài chính, gửi Hồ sơ đề nghị nghiệm thu về ĐHQGHN trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tự đánh giá kết quả dự án.

Điều 21. Hội đồng nghiệm thu cấp ĐHQGHN và Tổ kiểm tra sản phẩm dự án

1. Ban KH&CN trình Giám đốc ĐHQGHN ký Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án và Tổ kiểm tra sản phẩm dự án. Hội đồng nghiệm thu dự án SXTN cấp ĐHQGHN có từ 7-9 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng;
- Phó Chủ tịch Hội đồng;
- 02 uỷ viên phản biện. Uỷ viên phản biện phải là chuyên gia ngoài đơn vị chủ trì;
- Các uỷ viên.

Thành viên Hội đồng là các chuyên gia có uy tín, kinh nghiệm về lĩnh vực KH&CN liên quan; chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, SXTN; cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan. Chủ nhiệm dự án, các thành viên thực hiện dự án và các cá nhân có quyền, lợi ích liên quan đến dự án không tham gia Hội đồng nghiệm thu.

2. Tổ kiểm tra sản phẩm dự án gồm Tổ trưởng là chuyên gia có uy tín và chuyên môn sâu về lĩnh vực của dự án (ưu tiên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc

Ủy viên phản biện của Hội đồng nghiệm thu), các thành viên là lãnh đạo Ban KHCN, chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm, lĩnh vực công tác phù hợp.

3. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu dự án và Tổ kiểm tra sản phẩm dự án, Tổ kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra thực tế các sản phẩm đã đăng ký của dự án theo thuyết minh dự án đã được phê duyệt, bao gồm:

- a) Sản phẩm KH&CN: Theo số lượng và chất lượng sản phẩm đã đăng ký.
- b) Quy trình thiết bị/công nghệ.
- c) Khu vực tiến hành sản xuất (vùng nguyên liệu, nhà máy,...).
- d) Các sản phẩm khác.

Tổ kiểm tra có quyền yêu cầu đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án chứng minh thực tế về chất lượng sản phẩm dự án. Khi số lượng, chất lượng các sản phẩm đã đảm bảo, Tổ kiểm tra hoàn thiện biên bản kiểm tra chuyên Ban KHCN tổng hợp. Căn cứ kết quả kiểm tra, Ban KHCN tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu dự án SXTN cấp ĐHQGHN.

Điều 22. Quy trình tổ chức nghiệm thu dự án

1. Trong vòng 20 ngày kể từ khi có kết quả kiểm tra sản phẩm dự án của Tổ kiểm tra, Ban KHCN tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu dự án. Hội đồng tiến hành họp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Ban KHCN đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của tất cả các thành viên Hội đồng (Mẫu 19/SXTN) ít nhất 03 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng;

b) Có mặt từ 2/3 số thành viên Hội đồng trở lên, trong đó bao gồm Chủ tịch hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt và có văn bản ủy quyền) và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Ủy viên phản biện đánh giá dự án không đạt nhất thiết phải có mặt tại phiên họp.

3. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu, giới thiệu các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự phiên họp.

b) Đại diện Ban KHCN nêu các quy định, yêu cầu nghiệm thu dự án SXTN cấp ĐHQGHN.

c) Hội đồng cử một thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận tại phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng.

d) Chủ nhiệm dự án trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, kết quả triển khai, tình hình sử dụng kinh phí của dự án.

đ) Các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện dự án; Ủy viên thư ký đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

e) Thư ký khoa học đọc văn bản thẩm định sản phẩm của cơ quan chuyên môn, biên bản thẩm định sản phẩm của hội đồng chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia.

g) Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm dự án về kết quả và các vấn đề liên quan đến dự án. Chủ nhiệm dự án và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng.

h) Hội đồng đánh giá, xếp loại dự án bằng phương thức chấm điểm (Mẫu 20/SXTN), theo 3 mức:

- Mức “Xuất sắc” khi dự án hoàn thành đúng thời hạn (không bao gồm thời gian gia hạn), số lượng, chất lượng sản phẩm vượt so với nội dung đăng ký trong thuyết minh;

- Mức “Đạt” khi dự án hoàn thành đúng thời hạn (bao gồm thời gian gia hạn), số lượng, chất lượng sản phẩm đạt so với nội dung đăng ký trong thuyết minh;

- Mức “Không đạt” là các trường hợp còn lại.

4. Hội đồng hoàn thiện và thông qua biên bản họp Hội đồng (Mẫu 21/SXTN), chuyển Ban KHCN tổng hợp.

5. Đối với những dự án được đánh giá “Không đạt”, Ban KHCN trình Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định dừng thực hiện dự án và xử lý theo các quy định tại Điều 27 của Quy định này.

6. Ban KHCN hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu dự án, cập nhật trên hệ thống phần mềm.

Điều 23. Nộp, lưu trữ kết quả và sản phẩm của dự án

1. Sau khi dự án được nghiệm thu, chủ nhiệm dự án hoàn thiện hồ sơ và nộp về Trung tâm Thư viện và Tri thức số các sản phẩm sau:

a) 01 bản báo cáo tổng kết dự án (Mẫu 16/SXTN).

b) Các công bố và xác nhận liên quan của nhiệm vụ.

c) Các quy trình, bảng biểu, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ và tư liệu có liên quan.

d) Toàn bộ bản mềm Báo cáo tổng kết, bảng biểu, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan của dự án trong thiết bị lưu trữ (USB, Thẻ nhớ, CD...).

Trung tâm Thư viện và Tri thức số tập hợp và xác nhận bằng văn bản việc nộp sản phẩm của chủ nhiệm dự án.

2. Chủ nhiệm dự án nộp cho bộ phận quản lý KH&CN của đơn vị chủ trì các sản phẩm nêu ở Khoản 1 Điều này. Đơn vị có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ, khai thác các sản phẩm và báo cáo ĐHQGHN khi có yêu cầu.

3. Đối với các sản phẩm KH&CN hoàn chỉnh (nguyên vật liệu, trang thiết bị, linh kiện, dây chuyền sản xuất,...), đơn vị chủ trì nộp cho Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp (bao gồm sản phẩm thực tế và dạng số hóa), báo cáo ĐHQGHN (qua Ban KHCN) quyết định phương án khai thác.

4. Ban KHCN, Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp có trách nhiệm tổng hợp, thống kê và tổ chức khai thác các sản phẩm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Đơn vị chủ trì và Chủ nhiệm dự án thực hiện đăng ký kết quả của dự án với Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Bộ KH&CN theo quy định hiện hành.

Điều 24. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu

1. Sau khi dự án được nghiệm thu, đơn vị chủ trì có trách nhiệm thông báo công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử hoặc bản tin của đơn vị.

2. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục tài chính và nộp sản phẩm dự án theo quy định tại Điều 24 của Quy định này trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, báo cáo kết quả về Ban KHCN. Sau khi rà soát và xác nhận đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục, Ban KHCN ký thanh lý Hợp đồng thực hiện (Mẫu 23a/SXTN hoặc Mẫu 23b/SXTN) và trình Giám đốc ĐHQGHN ký Quyết định công nhận kết quả dự án SXTN (Mẫu 22/SXTN).

Điều 25. Quản lý và sử dụng sản phẩm của dự án

1. ĐHQGHN quản lý kết quả, sản phẩm của dự án SXTN cấp ĐHQGHN. Việc sử dụng các kết quả, sản phẩm của các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các dự án thuộc danh mục quản lý theo chế độ mật được bảo mật theo các quy định của Nhà nước.

2. Để chuyên giao các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản phẩm ứng dụng của dự án với tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi dự án phải có đơn đề nghị của chủ nhiệm dự án, công văn đề nghị của đơn vị chủ trì và được ĐHQGHN cho phép bằng văn bản.

3. ĐHQGHN hướng dẫn chi tiết cách thức phân chia lợi nhuận từ chuyển giao tài sản trí tuệ là kết quả của dự án tại Quy định quản lý tài sản trí tuệ ở ĐHQGHN (Quyết định số 3416/QĐ-ĐHQGHN ngày 02/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN).

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Khen thưởng

1. Cá nhân có thành tích trong triển khai dự án SXTN cấp ĐHQGHN thuộc một trong các trường hợp sau được đề xuất tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN:

a) Sản phẩm dự án đưa vào lưu hành trên thị trường được cộng đồng đánh giá cao, thể hiện qua doanh thu và ý kiến xác nhận của bên đối tác.

b) Dự án được nghiệm thu đạt loại Xuất sắc.

2. Nguồn kinh phí khen thưởng và mức khen thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành của ĐHQGHN.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Các hình thức vi phạm

a) Không hoàn thành dự án đối với các trường hợp: Đã quá hạn 06 tháng so với thời gian quy định mà chưa nghiệm thu được; không đủ khả năng tiếp tục thực hiện; Hội đồng nghiệm thu đánh giá ở mức "Không đạt".

b) Không trung thực trong khoa học.

2. Xử lý vi phạm

a) Chủ nhiệm dự án không hoàn thành sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước và phải bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã được cấp theo kết quả đánh giá của Hội đồng và xác minh của các cấp quản lý tương ứng. Đơn vị chủ trì dự án chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và báo cáo bằng văn bản gửi tới ĐHQGHN.

Chủ nhiệm dự án không hoàn thành sẽ không được đăng ký chủ nhiệm các dự án, nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định xử lý và không được xét các Giải thưởng KH&CN của ĐHQGHN.

b) Chủ nhiệm dự án và thành viên tham gia dự án không trung thực trong khoa học, tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nội dung Điều 8, Quy định quản lý hoạt động KH&CN ở ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/01/2015 của Giám đốc ĐHQGHN và các văn bản trước đây về các vấn đề có liên quan.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Ban KHCN có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện văn bản này trong toàn ĐHQGHN, phối hợp với Văn phòng, các Ban chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này và báo cáo Giám đốc ĐHQGHN.

2. Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc, các nhà khoa học và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQGHN về các dự án được giao; tuân thủ đầy đủ các quy định của ĐHQGHN về quản lý KH&CN và thực hiện các dự án và quyền hạn khác theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp các văn bản tham chiếu trong quy định này có thay đổi thì áp dụng theo quy định mới.

4. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh hoặc bổ sung các đơn vị và cá nhân liên quan báo cáo Giám đốc ĐHQGHN (qua Ban KHCN) để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.